

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2022/DS-ST

Ngày: 04 - 4- 2022

V/v Tranh chấp hợp

đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Trung Nghĩa.

2. Ông Triệu Lát.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa:
Bà Bùi Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2021/TLST-DS, ngày 26 tháng 3 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Trần Nghĩa H, sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 90 khóm V, Phường B, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

*** Bị đơn:**

- Ông Kim Chanh Th, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

- Bà Sơn Thu Ng, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

- Anh Kim Tân T, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà 137, khóm V, Phường B, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/3/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/7/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Trần Nghĩa H trình bày: Vào năm 2018, vợ chồng ông Kim Chanh Th và bà Sơn Thu Ng có mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản tại Đại Lý Hiệp Ph do ông H làm chủ (Đại lý đã giải thể nên ông H làm thất lạc Giấy phép kinh doanh). Đồng thời trong khoảng thời gian này, con ruột của ông Th và bà Ng là anh Kim Tân T cũng đến mua thức ăn nuôi Tôm nhưng lúc đó ông H không đồng ý bán cho anh T, cho đến khi ông Th cam kết sẽ trả thay cho anh T thì ông H mới đồng ý bán cho anh T.

Sau khi hai bên mua bán, ông H đã giao đủ, đúng số lượng hàng hóa theo yêu cầu của vợ chồng ông Th - bà Ng và anh T, nhưng ông Th – bà Ng và anh T không thanh toán số tiền mua hàng cho ông H như thỏa thuận. Đến ngày 10/06/2019, ông H cộng sổ tiền thức ăn còn thiếu thì ông Th thừa nhận có nợ của ông H 83.000.000đ (tám mươi ba triệu đồng), ký nhận nợ và viết cam kết thanh toán nợ cho ông H từ từ theo vụ (mỗi năm trồng 01 vụ hành và 01 vụ Tôm), nhưng đến nay đã qua 2 vụ hành, 2 vụ Tôm mà ông Th và bà Ng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Trong số nợ H 83.000.000đ (tám mươi ba triệu đồng) mà ông Th ký nhận nợ, thực ra có số tiền lẻ nhưng ông H muốn làm tròn số, do đó, tại phiên tòa ông H đồng ý là vợ chồng ông Th – bà Ng nợ 67.000.000đ (sáu mươi bảy triệu đồng) và anh Kim Tân T (con ruột ông Th– bà Ng nợ 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) và yêu cầu vợ chồng ông Th – bà Ng và anh T trả số nợ trên cho ông H, cụ thể là vợ chồng ông Th– bà Ng phải thanh toán cho ông H số nợ là 67.000.000đ (sáu mươi bảy triệu đồng) và anh Kim Tân T(con ruột ông Th – bà Ng) phải thanh toán cho ông H số nợ 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng).

** Bị đơn ông Kim Chanh Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Th trình bày:* Đúng là năm 2018, vợ chồng ông Th – bà Ng mua thức ăn nuôi Tôm và thuốc thủy sản của ông H, lúc mua bán, hai không có làm hợp đồng bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng miệng với nhau, theo đó ông H bán thức ăn

nuôi Tôm và thuốc thủy sản cho vợ chồng ông Th – bà Ng, việc mua bán có ghi vào sổ theo dõi tại Cửa hàng của ông H và có ghi vào một cuốn sổ nhỏ giao cho vợ chồng ông Th – bà Ng giữ. Trong quá trình đang nuôi Tôm thì ông H cắt ngang không giao thức ăn nuôi Tôm nữa nên gây khó khăn cho vợ chồng ông Th – bà Ng. Sau khi cộng sổ thì tổng cộng ông Th nợ 98.647.000đ (chín mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) nhưng trong quá trình mua bán đó, vợ chồng ông Th – bà Ng có gởi trả cho ông H 3 lần tổng cộng là 31.368.000đ (ba mươi một triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng) còn nợ lại là 67.279.000đ (sáu mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Ông Th có ký xác nhận nợ của ông H 83.000.000đ (tám mươi ba triệu đồng), nhưng trong sổ nợ ông Th ký xác nhận thì vợ chồng ông Th chỉ nợ của ông H 67.279.000đ (sáu mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng) và con của ông Th là anh Kim Tân T nợ của ông H là 16.256.000đ (mười sáu triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Đúng là trước đây, ông Th có đồng ý bảo lãnh khoản nợ này cho anh T nhưng nay do nuôi Tôm thua lỗ nên ông Th trả phần nợ của vợ chồng ông còn không được nên đối với phần nợ của anh T thì tự anh T trả, ông Th không đồng ý nhận thay.

Đối với số tiền nợ ông H là 67.279.000đ (sáu mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng), ông Th xin ông H gia hạn, đến trước Tết âm lịch năm 2022, lên vụ hành, ông Th sẽ trả trước cho ông H 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) số nợ còn lại xin khi nào có thì trả.

Đối với bị đơn bà Sơn Thu Ng: Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của ông H nhưng bà Ng không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, bà Ng cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho bà Ng và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 26/01/2022, bà Ng vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đối với bị đơn anh Kim Tân T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại buổi làm việc với Tòa án: Anh T thừa nhận anh có mua thức ăn nuôi Tôm của ông H

và còn nợ số tiền là 16.256.000đ (mười sáu triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng) nhưng do nuôi Tôm thì mất mùa và trồng hành cũng không có giá nên không có tiền trả cho ông H. Tòa án có tiến hành triệu tập anh T tham phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt, nên đã thông báo kết quả phiên họp trên cho anh T và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 26/01/2022, anh T vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, riêng các bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định theo pháp luật vắng mặt trong các phiên triệu tập của Tòa án. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp. nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông Th – bà Ng thanh toán cho nguyên đơn số nợ là 67.000.000đ (sáu mươi bảy triệu đồng) và anh Kim Tân T (con ruột ông Th – bà Ng) thanh toán cho nguyên đơn số nợ 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng). Quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về tố tụng: Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét hợp đồng mua bán tài sản được giao kết giữa nguyên đơn là ông Trần Nghĩa H và bị đơn là ông Kim Chanh Th – bà Sơn Thu Ng và Kim Tân T là thực tế và là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, đây là giao dịch dân sự được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các bị đơn ông Kim Chanh Th, bà Sơn Thu Ng và anh Kim Tân T đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt các bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

[2.1] Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Kim Chanh Th và bà Sơn Thu Ng thanh toán tiền mua thức ăn nuôi Tôm và thuốc thủy sản: Hai bên đã thực hiện việc mua bán tài sản như đã thỏa thuận, thể hiện theo lời trình bày của nguyên đơn, Hợp đồng mua bán mà hai bên thực hiện tuy không lập thành văn bản nhưng căn cứ vào lời thừa nhận của bị đơn Kim Chanh Th cũng như việc không phản đối của bị đơn Sơn Thu Ng. Từ các căn cứ nêu trên, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, có cơ sở khách quan để kết luận việc giao dịch dân sự giữa các bên đối với việc mua bán tài sản và các bị đơn ông Th - bà Ng còn nợ nguyên đơn H số tiền là 67.279.000đ (sáu mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng). Mặc dù, ông Th thừa nhận vợ chồng ông Th – bà Ng còn nợ của ông H số tiền 67.279.000đ (sáu mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng). Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ nguyên đơn Trần Nghĩa H yêu cầu vợ chồng ông Th – bà Ng thanh toán số tiền nêu trên cho nguyên đơn 67.000.000đ (sáu mươi bảy triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Nguyên đơn yêu cầu anh Kim Tân T (con ruột ông Th – bà Ng) thanh toán tiền mua thức ăn nuôi Tôm và thuốc thủy sản: Hai bên đã thực hiện việc mua bán tài sản như đã thỏa thuận, thể hiện theo lời trình bày của nguyên đơn, Hợp đồng mua bán mà hai bên thực hiện tuy không lập thành văn bản nhưng căn cứ vào lời thừa nhận của bị đơn Kim Tân T. Từ các căn cứ nêu trên, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, có cơ sở khách quan để kết luận việc giao dịch dân sự giữa các bên đối với việc mua bán tài sản và bị đơn anh T còn nợ nguyên đơn H số tiền là 16.256.000đ (mười sáu triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Mặc dù, anh T thừa nhận anh còn nợ của ông H số tiền 16.256.000đ (mười sáu triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ nguyên đơn Trần Nghĩa

H yêu cầu anh T thanh toán số tiền nêu trên cho nguyên đơn 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận.

Xét ý kiến của bị đơn Kim Chanh Th xin được trả từ từ nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông H có đơn yêu cầu thi hành án, vợ chồng ông Th- bà Ng và anh T còn phải trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vợ chồng ông Th- bà Ng và anh T phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Tuy nhiên, bà Sơn Thu Ng và ông Kim Chanh Th là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp miễn án phí được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV nên không phải nộp án phí.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 và Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Nghĩa H đối với bị đơn ông Kim Chanh Th, bà Sơn Thu Ng và anh Kim Tân T, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

- Buộc ông Kim Chanh Th và bà Sơn Thu Ng có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Trần Nghĩa H số tiền nợ 67.000.000đ (sáu mươi bảy triệu đồng).

- Buộc anh Kim Tân T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Nghĩa H số tiền nợ 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Hiệp có đơn yêu cầu thi hành án, ông Kim Chanh Th, bà Sơn Thu Ng và anh Kim Tân T phải trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Kim Chanh Th và bà Sơn Thu Ng phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.350.000đ (ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Nhưng do ông Th và bà Ng là đối tượng được miễn án phí theo quy định pháp luật nên không phải nộp án phí.

- Anh Kim Tân T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 800.000đ (tám trăm nghìn đồng).

- Ông Trần Nghĩa H không phải chịu án phí; hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.075.000đ (hai triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0009410 ngày 26/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; Các bị đơn ông Kim Chanh Th, bà Sơn Thu Ng và anh Kim Tân T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ HIẾU